

CÁC ĐƠN VỊ CẤP SỞ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THUỘC TỈNH
BAN DÂN TỘC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Ngày 6 tháng 7 năm 2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thế Dũng. Ngày tháng năm sinh: 03/07/2022.
- Chức vụ/chức danh công tác: Trưởng Phòng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: CÁC ĐƠN VỊ CẤP SỞ THUỘC TỈNH - Ban Dân Tộc.
- Nơi thường trú: 123 Ngô Đến, Nha Trang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 123124567
- ngày cấp: 29/06/2022. nơi cấp: Nha Trang, Khánh Hòa.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vợ Lê Thế Dũng. Ngày tháng năm sinh: 06/07/2022.
- Nghề nghiệp: Công Nhân.
- Nơi làm việc: Cảng Phả.
- Nơi thường trú: cảng cá.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 12345678
- ngày cấp: 04/07/2022. nơi cấp: Nha Trang.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ 1:

- Họ và tên: Con Lê Thế Dũng. Ngày tháng năm sinh: 06/07/2022.
- Nơi thường trú: 123 Ngô Đến, Nha Trang.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 123456789

ngày cấp: 06/07/2022.

nơi cấp: Khánh Hòa.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.2. Các loại đất khác :

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.2. Công trình xây dựng khác

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm:

3.2. Rừng sản xuất:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên:

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

6.2. Trái phiếu:

6.3. Vốn góp:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

8. Tài sản ở nước ngoài:

8.1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

8.1.1. Đất ở :

1.1.1. Thửa thứ 1:

- Địa chỉ: 1.
- Diện tích: 1 m².
- Giá trị: 1 VNĐ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: 1.
- Thông tin khác(nếu có): 1.

8.1.2. Các loại đất khác :

1.1.1. Thửa thứ 1:

- Địa chỉ: 1.
- : 1 m².
- Giá trị: 1 VNĐ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: 1.
- Thông tin khác(nếu có): 1.

8.2. Nhà ở, công trình xây dựng:

8.2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ 1:

- Địa chỉ: 1.
- Loại nhà: 1.
- Diện tích sử dụng : 1 m².
- Giá trị: 1 VNĐ.
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: 1.
- Thông tin khác (nếu có): 1.

8.2.2. Công trình xây dựng khác

8.3. Tài sản khác gắn liền với đất:

- Loại rừng: 1. Diện tích: 1 m². Giá trị: 1 VNĐ

8.3.1. Cây lâu năm:

8.3.2. Rừng sản xuất:

8.3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

8.4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:

8.5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên:

8.6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

8.6.1. Cổ phiếu:

8.6.2. Trái phiếu:

8.6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn: 1. Giá trị: 2 VNĐ.

- Hình thức góp vốn: 3. Giá trị: 4 VNĐ.

8.6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: 1. Giá trị: 1 VNĐ.

- Tên giấy tờ có giá: 2. Giá trị: 2 VNĐ.

8.7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

8.7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: 1. Số đăng kí: 1. Giá trị: 1 VNĐ.

8.7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

- Tên tài sản: 1. Năm bắt đầu sở hữu: 1. Giá trị: 1 VNĐ.

9. Tài khoản ở nước ngoài:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tài khoản ở nước ngoài.			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32) Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.			

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

..... ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÊ THẾ DŨNG